

Số: 952/QĐ-ĐHQB

Quảng Bình, ngày 01 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Định mức chi và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến kỹ thuật khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tại Trường Đại học Quảng Bình

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 445/QĐ-ĐHQB ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quy định về chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 2220/QĐ-ĐHQB ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Định mức chi và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tại Trường Đại học Quảng Bình”.

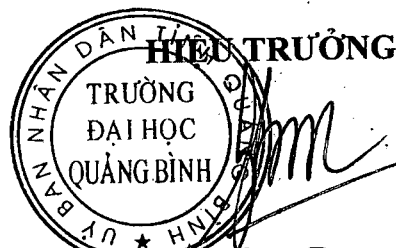
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1376/QĐ-ĐHQB ngày 14/9/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình.

(02)

Điều 3. Trường phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./ (*B*)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Website Trường;
- Lưu: VT; KH-TC.



PGS.TS. Hoàng Dương Hùng

ĐỊNH MỨC

Chi và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước:

tại trường Đại học Quảng Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 952/QĐ-ĐHQB ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Quy định này hướng dẫn định mức chi và phân bổ dự toán đối với các đề tài nghiên cứu khoa học, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án khoa học và công nghệ (KH&CN), các nhiệm vụ KH&CN khác có sử dụng ngân sách nhà nước do trường Đại học Quảng Bình quản lý.

1.2. Các nội dung chi cho hoạt động phục vụ công tác quản lý tại trường Đại học Quảng Bình đối với các đề tài, dự án và nội dung chi thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ áp dụng theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/04/2015 của Liên bộ Bộ Tài chính- Bộ Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

1.3. Các định mức chi trong quy định này là mức chi tối đa. Căn cứ các định mức chi trong quy định này, các cá nhân thực hiện đề tài, dự án, sáng kiến cải tiến kỹ thuật căn cứ vào tính chất và nội dung nhiệm vụ khoa học, công nghệ và nguồn kinh phí được bố trí để quyết định mức chi cho phù hợp.

1.4. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH&CN không quy định cụ thể tại định mức này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

- Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- Thành viên thực hiện chính;
- Thành viên;
- Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

3. Nội dung định mức chi và phân bổ dự toán

3.1. *Định mức chi hoạt động của các Hội đồng KH&CN, tổ chuyên gia, tổ thẩm định (chi tiền công)*

1 Đ

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa (1.000 đồng)
1	Chi về tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN		
a	Họp Hội đồng xác định đề tài, dự án	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		150
	Phó Chủ tịch HĐ; thành viên HĐ		120
	Thư ký hành chính		80
	Đại biểu được mời tham dự		50
2	Chi họp hội đồng tư vấn xét chọn đề tài		
A	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện	Phiếu đánh giá	150
B	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng		120
	Chi họp Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		130
	Phó Chủ tịch HĐ, thành viên Hội đồng		100
	Thư ký hành chính		70
	Đại biểu được mời tham dự		50
3	Chi Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở		
	Nhận xét đánh giá		
a	Nhận xét đánh giá của phản biện	Đề tài, DA	200
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	Đề tài, DA	120
	Họp Hội đồng nghiệm thu chính thức	Đề tài, DA	
	Chủ tịch Hội đồng		150
	PCT Hội đồng, thành viên		120
b	Thư ký hành chính		70
	Đại biểu được mời tham dự		50

3.2. Đối với các hoạt động thực hiện đề tài, dự án KH&CN: (Chi tiết kèm theo Phụ lục 1 và 2, hướng dẫn xây dựng dự toán KH&CN cấp cơ sở)

a) Dự toán tiền công lao động trực tiếp

Số TT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất;	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm,

	nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH&CN có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 01 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH&CN tại Điểm a, Khoản 2 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

$$T_c = L_{cs} \times H_{stcn} \times S_{nc}$$

Trong đó:

T_c : Dự toán tiền công của chức danh

L_{cs} : Lương cơ sở do Nhà nước quy định

H_{stcn} : Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

S_{nc} : Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN

TT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày trong khoảng (H_{stcn})	Ghi chú
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,40 ÷ 0,51	
2	Thành viên thực hiện chính	0,25 ÷ 0,32	
3	Thành viên	0,13 ÷ 0,16	
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,08 ÷ 0,10	

(Handwritten signature)

Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 15% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với tất cả các chức danh quy định tại Khoản 2 của Định mức này.

c) Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

d) Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH&CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước. Các nội dung chi gồm:

- Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;
- Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN;
- Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;
- Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN;

e) Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

g) Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

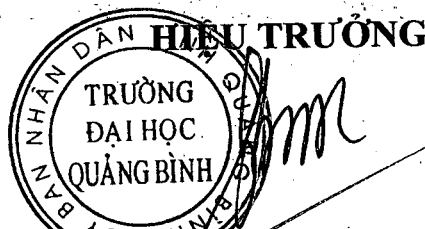
4. Lập, thẩm tra, phê duyệt và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

(Đ)

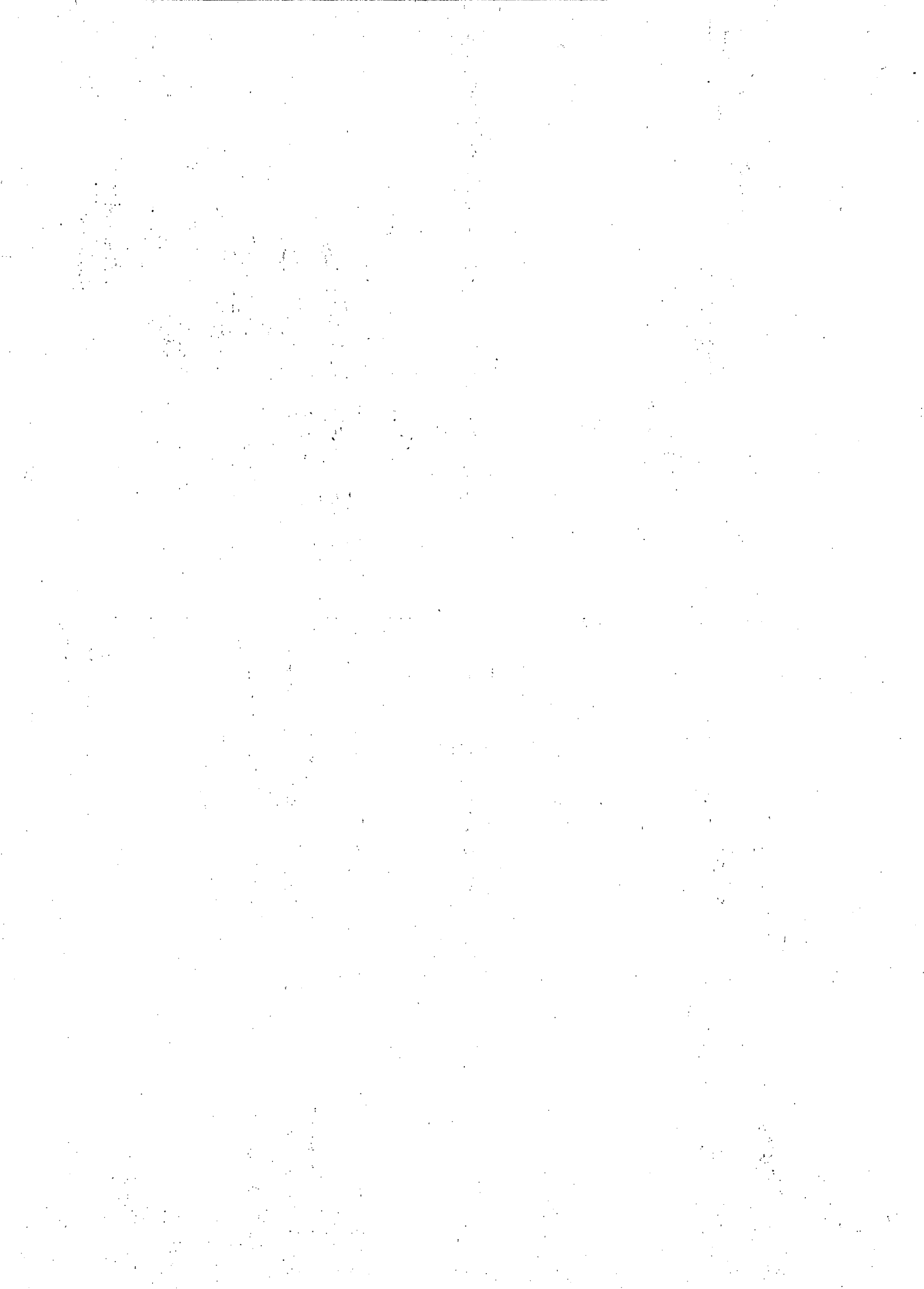
Công tác lập, thẩm tra, phê duyệt và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Quảng Bình về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

5. Quy định về chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được Hiệu trưởng phê duyệt (ký kết hợp đồng) trước thời điểm định mức này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt. /



FCS/TS. Hoàng Dương Hùng



Phụ lục 1
HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG DỰ TOÁN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP CƠ SỞ
(Kèm theo Quyết định số 952/QĐ-ĐHQB ngày 01 tháng 6 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

STT	Nội dung công việc	Số ngày
I	Tiền công lao động khoa học thực hiện nhiệm vụ KH&CN <i>(Tiền công cho các chức danh: Chủ nhiệm nhiệm vụ, Thành viên thực hiện chính, Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ)</i>	
1	Nghiên cứu tổng quan và xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN	03-05 ngày
2	Nghiên cứu, đánh giá thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	06-12 ngày
3	Khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; Xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	05-20 ngày
4	Lấy mẫu (nếu có)	Theo thực tế
5	Chi phí thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định, thực nghiệm, khảo nghiệm (nếu có); hoặc chi phí thuê ngoài	Theo thực tế
6	Theo dõi, kiểm tra, giám sát các quá trình, quy trình có liên quan	Theo thực tế
7	Nội dung nghiên cứu chuyên môn theo chuyên đề	Theo thực tế
7.1	<i>Chuyên đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội</i>	<i>10-15 ngày</i>
7.2	<i>Chuyên đề thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ</i>	<i>15-25 ngày</i>
8	Nghiên cứu đề xuất giải pháp, hoàn thiện quy trình công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích, SX, chế tạo sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và các kiến nghị, đề xuất khác	Theo thực tế
8.1	<i>Chuyên đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội</i>	<i>10-15 ngày</i>
8.2	<i>Chuyên đề thuộc lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ</i>	<i>15-25 ngày</i>
9	Báo cáo	
9.1	<i>Báo cáo tổng hợp</i>	<i>10-15 ngày</i>
9.2	<i>Báo cáo tóm tắt</i>	<i>1-2 ngày</i>
9.3	<i>Báo cáo thống kê</i>	<i>1-1,5 ngày</i>
10	Hoạt động hỗ trợ	
10.1	<i>Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (0,08-0,10)</i>	<i>Theo thực tế</i>
10.2	<i>Chi thuê công lao động phổ thông</i>	<i>Theo thực tế</i>
II	Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu (nếu có) <i>(Theo Thông tư 58/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính)</i>	
1	Lập mẫu phiếu điều tra	
1.1	Đến 30 chỉ tiêu (Mẫu phiếu được duyệt: Đồng/mẫu phiếu)	300.000
1.2	Trên 30 chỉ tiêu (Mẫu phiếu được duyệt: Đồng/mẫu phiếu)	500.000
2	Chi công tác điều tra (Thực hiện các khoản chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Quảng Bình)	
3	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra	
3.1	Đến 30 chỉ tiêu (đồng/phiếu)	30.000
3.2	Trên 30 chỉ tiêu (đồng/phiếu)	40.000
4	Chi phân tích, đánh giá và báo cáo kết quả điều tra (đồng/báo cáo)	500.000
III	Chi công tác phí (Theo Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường)	
1	Chi công tác phí điều tra, khảo sát, phân tích mẫu (nếu có)	

2	Chi công tác phí các hoạt động liên quan đến đề tài KH&CN	
IV	Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu	
1	Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng	Theo định mức và đơn giá thị trường
2	Chi mua tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo và sao in tài liệu	500.000-1.000.000 đồng
V	Chi sửa chữa, mua sắm TSCĐ rất thiết yếu	
VI	Chi hội thảo khoa học hoặc Seminar (không quá 2 lần/đề tài)	
1	Hội thảo khoa học (cấp trường)	
	Người chủ trì (đồng/người)	150.000
	Thư ký hội thảo (đồng/người)	100.000
	Báo cáo tham luận và trình bày tại hội thảo, tối đa 5 báo cáo (đồng/báo cáo)	150.000
	Đại biểu được mời tham dự, tối đa 30 người (đồng/người)	60.000
	Phục vụ: 01 người (đồng/người)	30.000
	Chi tiền nước uống (đồng/người)	5.000
2	Hội thảo khoa học hoặc Seminar (cấp khoa)	
	Người chủ trì	100.000
	Thư ký hội thảo	70.000
	Báo cáo tham luận và trình bày tại hội thảo, tối đa 3 báo cáo	100.000
	Đại biểu được mời tham dự, tối đa 30 người	50.000
	Phục vụ: 01 người	30.000
	Chi tiền nước uống (đồng/người)	5.000
VII	Chi khác (có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN)	
VIII	Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN (Chi quản lý của đơn vị chủ trì)	5% tổng dự toán kinh phí

102

Phụ lục 02
MẪU DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI KH&CN CẤP CƠ SỞ
(Kèm theo Quyết định số 952/QĐ-ĐHQB ngày 01 tháng 6 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

STT	Khoản chi, nội dung chi	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí		Ghi chú
				Kinh phí từ NSNN	Các nguồn khác	
I	Chi công lao động tham gia trực tiếp thực hiện đề tài					
	Chi công lao động của cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp tham gia thực hiện đề tài					
	Chi công lao động khác phục vụ triển khai đề tài					
II	Chi mua nguyên nhiên vật liệu					
	Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, tạp chí tham khảo, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ, tài liệu chuyên môn, các xuất bản phẩm, dụng cụ bảo hộ lao động phục vụ công tác nghiên cứu					
III	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định					
IV	Chi khác					
	Công tác phí					
	Đoàn ra, đoàn vào					
	Hội nghị, hội thảo khoa học					
	Văn phòng phẩm, in ấn, dịch tài liệu					
	Quản lý chung của cơ quan chủ trì					
	Nghiệm thu cấp cơ sở					
	Phí xác lập quyền sở hữu trí tuệ (nếu có)					
	Chi khác liên quan trực tiếp đến đề tài					
	Tổng cộng					

Ngày...tháng...năm.....

Cơ quan chủ trì
(ký, họ và tên, đóng dấu)

Ngày...tháng...năm.....

Chủ nhiệm đề tài
(ký, họ và tên)

(B)

